TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Phạm Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về "ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn Đ** , sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị G** , sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện A1, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị G tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện A,

tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2021. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau khoảng 7 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau, chị G không toàn tâm toàn ý sống với anh và gia đình. Do hôn nhân đã từng đỗ vỡ nên anh cũng cố gắng nhẫn nhịn nhưng không có kết quả, anh và chị G không thể cùng nhau xây dựng gia đình, anh chị đã ly thân hơn 01 năm, chị G đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh chị cũng không có liên lạc hay quan tâm gì với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị G để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh và chị G không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị G không có tài sản chung, không có nợ chung ai, không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Thị G vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn chị G vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho anh Đ được ly hôn với chị G ; về con chung không có nên không xem xét. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị G vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ

thẩm nhưng chị G vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị G .

[2] Về quan hệ hôn nhân, anh Đ và chị G chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2021 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, anh Đ cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, thường hay cãi nhau. Chị G không toàn tâm toàn ý sống với anh, không chăm lo cho gia đình. Vì hôn nhân đã từng đỗ vỡ nên anh cũng cố gắng nhẫn nhịn nhưng không có kết quả, anh chị không thể cùng nhau xây dựng gia đình, và đã ly thân hơn một năm, không còn quan tâm gì với nhau. Còn chị G vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau anh Đ và chị G có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nhưng không khắc phục được.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị G không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ với chị G .

[4] Về con chung: Anh Đ xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Đ xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Đ xác định anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn anh Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Lê Thị G .

2. Về con chung: Anh Đ xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung: Anh Đ xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh Đ xác định anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0000942 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh